

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo
của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở**

Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2020, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 311/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.¹

¹ Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.”

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục 2019.

2. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) trong các cơ sở giáo dục công lập, dân lập, tư thực, bao gồm: Cơ sở giáo dục mầm non; trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp tiểu học hoặc cấp trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học hoặc cấp trung học cơ sở (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục phổ thông);

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), cơ quan chuyên môn trực thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ủy quyền giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo cho giáo viên (sau đây gọi chung là cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu);

c) Các cơ sở đào tạo giáo viên; cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo

1. Giáo viên mầm non chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

2. Giáo viên tiểu học chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 08 năm công tác (96 tháng) đối với giáo viên có trình độ trung cấp, còn đủ 07 năm

công tác (84 tháng) đối với giáo viên có trình độ cao đẳng đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

3. Giáo viên trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên

1. Việc xác định lộ trình và tổ chức thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên phải bảo đảm phù hợp với thực trạng đội ngũ giáo viên và điều kiện của các cơ sở giáo dục, địa phương; không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy.

2. Việc xác định đối tượng giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo phải bảo đảm đúng độ tuổi, trình độ đào tạo của giáo viên. Ưu tiên bố trí những giáo viên còn đủ tối thiểu năm công tác tính đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 2 Nghị định này tham gia đào tạo trước. Trường hợp giáo viên không còn đủ năm công tác, không thuộc đối tượng thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Việc thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên phải bảo đảm khách quan, công khai, công bằng và hiệu quả.

Chương II

NÂNG TRÌNH ĐỘ CHUẨN ĐƯỢC ĐÀO TẠO CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ

Điều 4. Lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non

1. Lộ trình thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Lộ trình được thực hiện thành hai giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, bảo đảm đạt ít nhất 60% số giáo viên mầm non đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm;

b) Giai đoạn 2: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, thực hiện đối với số giáo viên còn lại để bảo đảm 100% số giáo viên mầm non hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm.

Điều 5. Lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học

1. Lộ trình thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Lộ trình được thực hiện thành hai giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, bảo đảm đạt ít nhất 50% số giáo viên tiểu học đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân;

b) Giai đoạn 2: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, thực hiện đối với số giáo viên còn lại để bảo đảm 100% số giáo viên tiểu học hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân.

Điều 6. Lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên trung học cơ sở

1. Lộ trình thực hiện từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Lộ trình được thực hiện thành hai giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: Từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025, bảo đảm đạt ít nhất 60% số giáo viên trung học cơ sở đang được đào tạo hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân;

b) Giai đoạn 2: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030, thực hiện đối với số giáo viên còn lại để bảo đảm 100% số giáo viên trung học cơ sở hoàn thành chương trình đào tạo được cấp bằng cử nhân.

Điều 7. Phương thức thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên²

1. Giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng: Địa phương giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng cơ sở đào tạo thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên theo kế hoạch được phê duyệt. Việc giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên thực hiện theo quy định hiện hành về giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

2. Đối với các ngành hoặc chuyên ngành không đủ điều kiện mở lớp đào tạo theo phương thức quy định tại khoản 1 Điều này, giáo viên chủ động đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo công lập theo quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 8. Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên³

1. Kế hoạch 5 năm theo lộ trình 2026 - 2030 theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Nghị định này

a) Đơn vị xây dựng kế hoạch: Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Đơn vị nhận kế hoạch: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Căn cứ xây dựng kế hoạch: Số lượng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc đối tượng nâng trình độ chuẩn được đào tạo tại thời điểm xây dựng kế hoạch; chỉ tiêu cần đạt quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định này;

d) Thời hạn ban hành kế hoạch: Kế hoạch 5 năm theo lộ trình 2026 - 2030 được ban hành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025;

đ) Phương thức gửi kế hoạch: Kế hoạch được thể hiện bằng văn bản điện tử bảo đảm quy định của pháp luật và được gửi về đơn vị nhận kế hoạch qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

² Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

2. Kế hoạch hằng năm thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (sau đây gọi là kế hoạch thực hiện hằng năm) theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Nghị định này

a) Đơn vị xây dựng kế hoạch: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Đơn vị nhận kế hoạch: Bộ Giáo dục và Đào tạo; cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có giáo viên đăng ký đào tạo nâng trình độ chuẩn; cơ sở đào tạo được giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng và các đơn vị có liên quan;

c) Căn cứ xây dựng kế hoạch: Nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ sở giáo dục; chỉ tiêu cần đạt quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Nghị định này;

d) Thời hạn ban hành kế hoạch: Trước ngày 15 tháng 12 của năm trước liền kề với năm thực hiện;

đ) Phương thức gửi kế hoạch: Kế hoạch được thể hiện bằng văn bản điện tử bảo đảm quy định của pháp luật và được gửi về đơn vị nhận kế hoạch qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

Điều 9. Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên⁴

1. Kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên (công lập, dân lập, tư thục) do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, thực hiện dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành về giao nhiệm vụ, đặt hàng sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này, cơ sở giáo dục nơi giáo viên công tác có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và thực hiện chi trả cho giáo viên kinh phí đào tạo bằng mức thu học phí theo hóa đơn hoặc chứng từ hợp pháp của cơ sở đào tạo sau khi được cấp bằng tốt nghiệp.

4. Các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục bảo đảm kinh phí để chi trả lương và

⁴ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

các chế độ, phụ cấp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Nghị định này cho giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn.

Điều 10. Quyền và trách nhiệm của giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn

1.⁵ Quyền của giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn:

a) Được cơ quan quản lý, sử dụng tạo điều kiện tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn;

b) Được thanh toán tiền học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo nơi giáo viên theo học;

c) Được tính thời gian đào tạo vào thời gian công tác liên tục;

d) Được hưởng 100% lương và các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn:

a) Thực hiện các quy định về đào tạo, quy chế và quy định về thời gian đào tạo; chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo trong thời gian tham gia các hoạt động đào tạo;

b) Có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo;

c) Trong suốt thời gian khóa học, giáo viên vẫn phải thực hiện các nhiệm vụ công tác theo quy định khi không phải tham gia các hoạt động đào tạo;

d) Trường hợp giáo viên không hoàn thành chương trình đào tạo theo thời gian quy định dẫn đến phải kéo dài thời gian đào tạo thì phải tự túc các khoản chi phí đào tạo phát sinh trong thời gian đào tạo kéo dài.

Điều 11. Đền bù chi phí đào tạo

1. Giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo phải đền bù

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

chi phí đào tạo khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động trong thời gian đào tạo;

b) Không được cơ sở đào tạo cấp bằng tốt nghiệp, trừ trường hợp có lý do khách quan bất khả kháng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận;

c) Đã hoàn thành và được cấp bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định này.

2. Chi phí đền bù, cách tính chi phí đền bù, trình tự, thủ tục đền bù chi phí đào tạo áp dụng thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 12. Chế độ báo cáo⁶

1. Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ sở giáo dục theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Nghị định này.

a) Đơn vị báo cáo: Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn;

b) Đơn vị nhận báo cáo: Cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp;

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 11 năm trước liền kề đến ngày 31 tháng 10 của năm báo cáo;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 05 tháng 11 của năm báo cáo;

đ) Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo được thể hiện bằng văn bản điện tử bảo đảm quy định của pháp luật và được gửi về đơn vị nhận báo cáo qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

2. Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Nghị định này.

a) Đơn vị báo cáo: Cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp;

⁶ Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

b) Đơn vị nhận báo cáo: Sở Giáo dục và Đào tạo;

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 11 năm trước liền kề đến ngày 31 tháng 10 của năm báo cáo;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 11 của năm báo cáo;

đ) Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo được thể hiện bằng văn bản điện tử bảo đảm quy định của pháp luật và được gửi về đơn vị nhận báo cáo qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

3. Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 5 ban hành kèm theo Nghị định này.

a) Đơn vị báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo. Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký, ban hành;

b) Đơn vị nhận báo cáo: Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 01 tháng 11 năm trước liền kề đến ngày 31 tháng 10 của năm báo cáo;

d) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo;

đ) Phương thức gửi báo cáo: Báo cáo được thể hiện bằng văn bản điện tử bảo đảm quy định của pháp luật và được gửi về đơn vị nhận báo cáo qua hệ thống quản lý tài liệu điện tử.

4. Báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều này là căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện hằng năm.

5. Ngoài chế độ báo cáo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ sở giáo dục gửi báo cáo về việc đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền bảo đảm quy định của pháp luật về chế độ báo cáo.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Xây dựng kế hoạch 5 năm theo lộ trình 2020 - 2025 và 2026 - 2030; chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế

hoạch có kết quả.

2. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm việc bố trí, sắp xếp, chọn cử giáo viên tham gia đào tạo; kết quả, tiến độ và các quy định liên quan đến thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên và thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

3. Tổ chức sơ kết khi kết thúc giai đoạn 1 và tổ chức tổng kết khi kết thúc lộ trình để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện.

Điều 14. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ

1. Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các địa phương về việc rà soát, bố trí, sắp xếp giáo viên và biên chế giao cho ngành Giáo dục; chế độ, chính sách; thực hiện công tác truyền thông nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị và các giáo viên thực hiện có kết quả lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên.

2. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo, hướng dẫn xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn việc cử giáo viên tham gia đào tạo hàng năm theo từng môn học, cấp học để làm căn cứ xây dựng kế hoạch hàng năm.

3. Xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định dự toán chi ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên hàng năm theo kế hoạch.

4. Quyết định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu hoặc ủy quyền cho cơ quan giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu để thực hiện đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên theo quy định hiện hành của pháp luật.

5.⁷ Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, lập danh sách giáo viên phải thực hiện nâng trình độ chuẩn; xác định thời

⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính

gian giáo viên tham gia đào tạo; bố trí, sắp xếp giáo viên giảng dạy và bố trí chương trình, thời khóa biểu phù hợp để giáo viên vừa làm vừa học; xây dựng kế hoạch hằng năm; bố trí kinh phí; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm về công tác này.

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên dân lập, tư thục.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách đối với giáo viên được cử đi học; thực hiện việc thu hồi tiền đền bù chi phí đào tạo.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ sở đào tạo giáo viên

1. Chuẩn bị các điều kiện về chương trình, tài liệu, học liệu; cơ sở vật chất, trang thiết bị; đội ngũ giảng viên để thực hiện lộ trình đào tạo nâng trình độ chuẩn của giáo viên.

2. Thông báo công khai chỉ tiêu tuyển sinh; hình thức tuyển sinh; thời gian tuyển sinh; thời gian đào tạo; chương trình, hình thức đào tạo; chuẩn đầu ra; điều kiện thực hiện đào tạo; chi phí đào tạo/người để các địa phương lựa chọn giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

3. Đảm bảo chất lượng đào tạo và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về chất lượng đào tạo do đơn vị thực hiện.

4.⁸ Cung cấp các hóa đơn, chứng từ hợp pháp phục vụ việc thanh toán, quyết toán kinh phí đào tạo theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng giáo viên

1.⁹ Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

2. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo được phê duyệt, bố trí, sắp xếp công việc

phù quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

⁸ Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

⁹ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

của giáo viên phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên vừa làm vừa học.

3. Bảo đảm các chế độ, chính sách đối với giáo viên theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH¹⁰

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 18 tháng 8 năm 2020.

¹⁰ Điều 3 của Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026 quy định như sau:

“Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.
2. Những giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn đã được cấp bằng tốt nghiệp đạt yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo của cấp học đang giảng dạy kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 nhưng chưa được cơ quan, đơn vị thanh toán học phí đào tạo thì được truy lĩnh, chi trả học phí đào tạo.
 - a) Mức tiền được truy lĩnh, chi trả bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo tại thời điểm giáo viên theo học. Mức tiền này không bao gồm chi phí thi lại và học lại.

Giáo viên mầm non theo quy định tại khoản này nếu đào tạo nâng trình độ chuẩn từ trung cấp lên đại học ngành Giáo dục mầm non thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức tiền được truy lĩnh nhưng không thấp hơn mức học phí đào tạo từ trình độ trung cấp lên cao đẳng;
 - b) Nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định này;
 - c) Hồ sơ thanh toán kinh phí đào tạo gồm có giấy đề nghị thanh toán, hóa đơn hoặc chứng từ thu học phí của cơ sở đào tạo, bản sao bằng tốt nghiệp có công chứng và chứng từ khác (nếu có) theo quy định của pháp luật về quyết toán kinh phí. Trường hợp không có hóa đơn hoặc chứng từ thu học phí thì phải có văn bản thông báo mức học phí của cơ sở đào tạo và xác nhận của cơ sở đào tạo về số tiền đã thu;
 - d) Việc thanh toán kinh phí đào tạo cho giáo viên theo quy định tại khoản này hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.
3. Trong thời gian thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo, những giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 72 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp; đang trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp được hưởng chính sách theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non.
4. Đối với những địa phương đã ký hợp đồng với cơ sở đào tạo để thực hiện việc nâng trình độ chuẩn của giáo viên thông qua hình thức đấu thầu thì tiếp tục được thực hiện theo hợp đồng đã ký kết.
5. Kế hoạch 5 năm theo lộ trình 2020 - 2025 đã được ban hành theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP tiếp tục thực hiện đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.
6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo giáo viên, đơn vị sử dụng giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.”

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo giáo viên, đơn vị sử dụng giáo viên chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: /VBHN-BGDĐT

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (để đăng công báo);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Công TTĐT Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, NGCBQLGD, PC.

*Hà Nội, ngày tháng năm 2026***KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Phạm Ngọc Thương**

Phụ lục¹¹

(Kèm theo Nghị định quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở)

Mẫu số 1	Kế hoạch 5 năm theo lộ trình 2026 - 2030
Mẫu số 2	Kế hoạch hằng năm thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở
Mẫu số 3	Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ sở giáo dục
Mẫu số 4	Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của cơ quan có thẩm quyền quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp
Mẫu số 5	Báo cáo kết quả đào tạo và nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

¹¹ Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2026.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/KH-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

KẾ HOẠCH**Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên
mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 2 (2026 - 2030)**

1. Mục tiêu
2. Chỉ tiêu cụ thể
3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu
4. Thời gian, phương thức và kinh phí thực hiện
5. Tổ chức thực hiện
 - a) Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục
 - b) Các Cục, Vụ chức năng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo
 - c) Các Sở Giáo dục và Đào tạo
 - d) Các cơ sở đào tạo giáo viên
 - đ) Đơn vị sử dụng giáo viên

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để p/h);
- Bộ Tài Chính (để p/h);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (để phối hợp c/đ);
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ (để t/h);
- Các Sở GDĐT (để t/h);
- Các cơ sở đào tạo giáo viên (để t/h);
- Lưu: VT,

BỘ TRƯỞNG*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .../KH-...

..., ngày tháng năm 20...

KẾ HOẠCH

**Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên
mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 20...**

1. Mục đích, yêu cầu
2. Dự kiến số lượng giáo viên cử đào tạo nâng trình độ chuẩn theo cấp học và theo ngành đào tạo, trình độ đào tạo (có danh sách giáo viên kèm theo)
3. Phương thức thực hiện; kinh phí, nguồn kinh phí
4. Tổ chức thực hiện

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để t/h);
- Cơ sở giáo dục (để t/h);
- ...;
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

b) Danh sách cụ thể

STT	Họ và tên giáo viên	Trình độ và ngành/chuyên ngành trước khi đào tạo nâng chuẩn	Trình độ và ngành/chuyên ngành đào tạo nâng chuẩn	Phương thức đào tạo (địa phương giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc giáo viên tự đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo)	Thời gian đào tạo		Học phí đào tạo (nếu giáo viên tự đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo)	
					Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành (hoặc dự kiến hoàn thành)	Đã được thanh toán	Chưa được thanh toán

2. Đăng ký nhu cầu đào tạo

a) Thông tin tổng hợp

STT	Ngành/chuyên ngành đăng ký đào tạo	Số lượng giáo viên đăng ký theo trình độ đào tạo			
		Tổng	Từ trung cấp lên cao đẳng	Từ trung cấp lên đại học	Từ cao đẳng lên đại học

b) Danh sách cụ thể

STT	Họ và tên giáo viên	Môn học đang giảng dạy (đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở)	Trình độ, ngành/chuyên ngành đào tạo hiện tại	Trình độ, ngành/chuyên ngành đăng ký đào tạo

3. Phương án phân công, bố trí giáo viên dạy thay

4. Khó khăn, vướng mắc

5. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo/Cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục theo phân cấp;

- ...

- Lưu: VT,...

HIỆU TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

B	Tiểu học								
C	Trung học cơ sở								

2. Đăng ký nhu cầu đào tạo

a) Thông tin tổng hợp

STT	Ngành/chuyên ngành đăng ký đào tạo	Số lượng giáo viên đăng ký theo trình độ đào tạo			
		Tổng	Từ trung cấp lên cao đẳng	Từ trung cấp lên đại học	Từ cao đẳng lên đại học

b) Danh sách cụ thể

STT	Họ và tên giáo viên	Đơn vị công tác	Môn học đang giảng dạy (đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở)	Trình độ, ngành/ chuyên ngành đào tạo hiện tại	Trình độ, ngành/ chuyên ngành đăng ký đào tạo
A	Mầm non				
B	Tiểu học				
C	Trung học cơ sở				

3. Khó khăn, vướng mắc

4. Kiến nghị, đề xuất (nếu có)

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo;

- ...

- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

2. Đánh giá việc thực hiện

- Thuận lợi
- Khó khăn

3. Nhu cầu đào tạo năm tiếp theo

- Dự kiến kinh phí thực hiện đào tạo, nguồn kinh phí.
- Dự kiến về số lượng đào tạo theo cấp học, trình độ đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo

STT	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Số lượng giáo viên dự kiến tham gia đào tạo				THCS	Phương thức đào tạo
		Mầm non	Tiểu học		THCS		
			Tổng số	Đào tạo từ trung cấp lên đại học			

4. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Sở Giáo dục và Đào tạo (để t/h);
- ...;
- Lưu: VT,...

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)